

**ĐÁNH GIÁ, ĐỀ XUẤT NỘI DUNG QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ ĐẤT THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI SAU KHI SÁP NHẬP
ĐỂ ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01/01/2026**

*(Áp dụng đối với các loại đất nông nghiệp)
(Kèm theo Công văn số...../UBND-KT ngày...../8/2025 của UBND xã Long Phụng)*

TT	Nội dung, giá đất quy định trong bảng giá đất hiện hành		Giá đất phổ biến thị trường (đồng/m2)	Đề xuất nội dung, mức giá đất để áp dụng từ ngày 01/01/2026		So sánh %		Ghi chú (nếu rõ lý do: đề xuất giữ nguyên hoặc điều chỉnh, bổ sung sau khi sáp nhập)
	Nội dung	Giá đất (đồng/m2)		Nội dung	Giá đất (đồng/m2)	(4)/(3)	(6)/(3)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác)							
1	Vị trí 1	63,000		Đề xuất thay đổi tên gọi theo đơn vị hành chính mới sau sáp nhập là Xã Long Phụng, tỉnh Quảng Ngãi	Giữ nguyên mức giá			Đề xuất giữ nguyên
2	Vị trí 2	52,000						
3	Vị trí 3	42,000						
II	Đất trồng cây lâu năm				Giữ nguyên mức giá			Đề xuất giữ nguyên
1	Vị trí 1	63,000						
2	Vị trí 2	52,000						
3	Vị trí 3	42,000						
III	Đất rừng sản xuất				Giữ nguyên mức giá			Đề xuất giữ nguyên
1	Vị trí 1	47,000						
2	Vị trí 2	37,000						
3	Vị trí 3	28,000						
IV	Đất nuôi trồng thủy sản				Giữ nguyên mức giá			Đề xuất giữ nguyên
1	Vị trí 1	59,000						
2	Vị trí 2	47,000						
3	Vị trí 3	37,000						
V	Đất làm muối				Giữ nguyên mức giá			Đề xuất giữ nguyên
1	Vị trí 1	45,000						
2	Vị trí 2	35,000						